

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HS-ST
Ngày 23 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Thắng.
Ông Huỳnh Phước.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 66/2025/QĐXXST - HS ngày 23/12/2025 đối với bị cáo:

Trịnh Ngọc L, sinh ngày: 01/01/1986 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: số nhà D, ấp S, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (này là xã L, thành phố Cần Thơ). Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: nữ; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: không; con ông Trịnh Văn M và bà Hứa Thị B; chồng tên Đặng Minh H (bị cáo khai tại phiên tòa), con có 02 người; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/5/2025 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Liêu Thị H1, sinh năm: 1957. Nơi thường trú: số G đường H, phường S, thành phố Cần Thơ. Nơi ở: số A đường C, phường S, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ông Ông Kim T2, sinh năm: 1976. Địa chỉ: ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Ông Lý Anh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: số F đường T, phường P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Bà Đặng Thị Ngọc L1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Ông Lý Bình A, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02 năm 2023, bà Liêu Thị H1 có thuê Trịnh Ngọc L đến giúp việc nhà hàng ngày cho bà H1 tại số A, đường C, khu V, phường S, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình giúp việc nhà cho bà H1, L quan sát thấy bà H1 có nhiều vàng và tiền cất trong tủ để trong phòng ngủ của bà H1, nên L đã nảy sinh ý định lấy trộm. Quá trình giúp việc nhà, nhiều lần bà H1 nhờ L đưa bà H1 vào phòng ngủ để nằm nghỉ nên L phát hiện bà H1 thường để chìa khóa tủ trên giường ngủ, sau đó lợi dụng việc bà H1 đi ra khỏi phòng, L đã lén lút lấy chìa khóa, sau đó đem đến tiệm làm chìa khóa rồi làm thêm chìa khóa mở tủ, mục đích là tìm sở hữ để mở tủ lấy trộm tài sản. Sau khi làm chìa khóa xong, L đem chìa khóa về trả lại chỗ cũ, còn chìa khóa mới làm L cất giấu để đợi cơ hội mở tủ lấy trộm tài sản. Vào sáng ngày 14 tháng 3 năm 2025, L điều khiển xe mô tô chở con gái 04 tuổi đi từ nhà tại ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ đến nhà của bà H1 để làm việc nhà. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, bà H1 cùng với chồng là ông Liêu Thanh S đi ra khu vực sau vườn, lúc này nhà không còn ai, nên L đã lén lút đi vào phòng ngủ của bà H1, lấy chìa khóa trước đó L đã làm, sau đó mở tủ lấy 01 sợi dây chuyền vàng và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch hình phật quan âm có viền vàng xung quanh bỏ vào trong túi quần đang mặc trên người, sau đó đi ra ngoài tiếp tục làm công việc nhà. Đến khoảng hơn 17 giờ 00 phút, cùng ngày L điều khiển xe chở con gái về lại nhà. Sau khi về đến nhà, L để đưa con gái ở nhà rồi một mình điều khiển xe đến tiệm V" ở ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ, bán sợi dây chuyền vàng và mặt dây chuyền vàng vừa lấy trộm của bà H1 được 142.720.000 đồng. Sau khi có được tiền, L đem số tiền 60.000.000 đồng trả cho bà Lâm Thị Cẩm T1, trả cho Nguyễn Trúc P 2.000.000 đồng, trả cho Trần Văn B1 2.160.000 đồng, trả cho Lý Anh T 11.000.000 đồng, trả cho Đặng Thị Ngọc L1 13.200.000 đồng, trả cho Lý Bình A 12.000.000 đồng, trả cho Phan Văn H2 28.000.000 đồng, còn lại số tiền 14.360.000 đồng L tiêu xài cá nhân hết 8.860.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, bà H1 phát hiện bị mất trộm vàng nên đã trình báo Công an, sau đó Công an mời L làm việc, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và nộp số tiền 5.500.000 đồng còn lại.

Tại bản Kết luận giám định số 1362/KL-KTHS ngày 22/4/2025 của Phân viện khoa học hình sự của Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 78,1713 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au); 72,43%, B2 (A): 10,02%, Đ (Cu); 17,20%. 01 mặt dây chuyền bằng đá hình phật quan âm, xung quanh hình phật có bọc viền bằng kim loại màu vàng, có đính các hạt đá trắng, khối lượng

(bao gồm cả đá): 21,6665 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au): 72,09%, B2 (A2): 10,84%, Đ (Cu): 16,71%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG, ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ), kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 78,1713 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au): 72,43%, B2 (A): 10,02%, Đ (Cu): 17,20% và 01 mặt dây chuyền bằng đá hình Phật quan âm, xung quanh hình Phật có bọc viền bằng kim loại màu vàng, có đính các hạt đá trắng, khối lượng (bao gồm cả đá): 21,6665 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au): 72,09%, B2 (A2): 10,84%, Đ (Cu): 16,71% có giá 164.771.552 đồng.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSKV5 ngày 20/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ truy tố bị cáo Trịnh Ngọc Loan về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trịnh Ngọc L và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; áp dụng điểm b, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trong quá trình điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Ngọc L bồi thường cho ông Ông Kim T2 số tiền là 45.060.000 đồng. Đối với số tiền bị cáo Trịnh Ngọc L trả nợ cho người liên quan bà Lâm Thị Cẩm T1 số tiền 60.000.000 đồng, bà Nguyễn Trúc P số tiền 2.000.000 đồng, ông Trần Văn B1 số tiền 2.160.000 đồng, ông Lý A1 T số tiền 11.000.000 đồng, bà Đặng Thị Ngọc L1 số tiền 13.200.000 đồng, ông Lý Bình A số tiền 12.000.000 đồng, ông Phan Văn H2 số tiền 28.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra đã chứng minh được đây là tiền do bị cáo L phạm tội mà có, bị cáo L đã dùng số tiền này để trả nợ cho những người nêu trên, đây là tang vật của vụ án cần buộc nộp lại để đảm bảo thi hành án cho ông Ông Kim T2. Trong quá trình điều tra, bà Lâm Thị Cẩm T1 đã nộp số tiền 60.000.000 đồng, bà Nguyễn Trúc P đã nộp số tiền 2.000.000 đồng, ông Trần Văn B1 đã nộp số tiền 2.160.000 đồng, ông Phan Văn H2 đã nộp số tiền 28.000.000 đồng. Đề nghị buộc những người chưa nộp lại gồm ông Lý A1 T nộp số tiền 11.000.000 đồng, bà Đặng Thị Ngọc L1 nộp số tiền 13.200.000 đồng, ông Lý Bình A nộp số tiền 12.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ông Kim T2.

Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông Ô Kim T2 và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ô Kim T2 yêu cầu bị cáo Trịnh Ngọc L bồi thường số tiền 45.060.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại bà Liêu Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Lý Anh T, bà Đặng Thị Ngọc L1, ông Lý Bình A vắng mặt và việc vắng mặt của đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trịnh Ngọc L thừa nhận nội dung cáo trạng phản ánh đúng hành vi của bị cáo, lời thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do không có tiền để trả nợ, nên trong quá trình giúp việc nhà cho bị hại Liêu Thị H1, bị cáo quan sát thấy bị hại để chìa khóa tủ trong phòng ngủ nên bị cáo Trịnh Ngọc L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trong tủ của bị hại nên bị cáo đã lén lút lấy trộm chìa khóa tủ sau đó đến cơ sở làm chìa khóa để làm thêm chìa khóa để mở tủ lấy tài sản.

Vào sáng ngày 14 tháng 3 năm 2025, như thường lệ, bị cáo L đến nhà của bị hại làm việc nhà. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, lợi dụng việc bị hại H1 và chồng là ông Liêu Thanh S đi ra khu vực sau vườn, nên bị cáo đã lén lút vào phòng ngủ, lấy chìa khóa mở tủ lấy 01 sợi dây chuyền vàng và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch sau đó đem đến tiệm V" ở ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ, bán được 142.720.000 đồng.

Qua định giá 01 sợi dây chuyền vàng và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch có giá 164.771.552 đồng,

[4] Bị cáo Trịnh Ngọc L là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý lén lút lấy trộm tài sản của bị hại H1 có giá trị là 164.771.552 đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự, (điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ

02 năm đến 07 năm: c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;).

Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ truy tố bị cáo để xét xử về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội, bị cáo Trịnh Ngọc L chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Tài sản bị cáo chiếm đoạt được thu giữ kịp thời trả cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn; bị cáo tự nguyện nộp khắc phục số tiền 5.500.000 đồng nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Liêu Thị H1 đã nhận lại được tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bị cáo Trịnh Ngọc L bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Người liên quan ông Ô Kim T2 yêu cầu bị cáo Trịnh Ngọc L bồi thường số tiền 45.060.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với số tiền bị cáo Trịnh Ngọc L trả nợ cho người liên quan bà Lâm Thị Cẩm T1 số tiền 60.000.000 đồng, bà Nguyễn Trúc P số tiền 2.000.000 đồng, ông Trần Văn B1 số tiền 2.160.000 đồng, ông Lý A1 T số tiền 11.000.000 đồng, bà Đặng Thị Ngọc L1 số tiền 13.200.000 đồng, ông Lý Bình A số tiền 12.000.000 đồng, ông Phan Văn H2 số tiền 28.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra đã chứng minh được đây là tiền do bị cáo L phạm tội mà có, bị cáo L đã dùng số tiền này để trả nợ cho những người nêu trên, đây là tang vật của vụ án cần buộc nộp lại để đảm bảo thi hành án cho ông Ô Kim T2. Trong quá trình điều tra, bà Lâm Thị Cẩm T1 đã nộp số tiền 60.000.000 đồng, bà Nguyễn Trúc P đã nộp số tiền 2.000.000 đồng, ông Trần Văn B1 đã nộp số tiền 2.160.000 đồng, ông Phan Văn H2 đã nộp số tiền 28.000.000 đồng. Hội đồng xét xử cần buộc những người chưa nộp lại gồm ông Lý A1 T nộp số tiền 11.000.000 đồng, bà Đặng Thị Ngọc L1 nộp số tiền 13.200.000 đồng, ông Lý Bình A nộp số tiền 12.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ô Kim T2.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[10] Đối với Lâm Thị Cẩm T1, Nguyễn Trúc P, Trần Văn B1, Phan Văn H2, Lý Anh T, Lý Bình A, khi được bị cáo Trịnh Ngọc L đem tiền đến trả nợ, không biết tiền bị cáo có được từ phạm tội mà có nên không xem, xét xử lý đối với Lâm Thị Cẩm T1, Nguyễn Trúc P, Trần Văn B1, Phan Văn H2, Lý Anh T, Lý Bình A.

[11] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ trình bày quan điểm luận tội và các biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về hình phạt, cần xử phạt bị cáo trong khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.
3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: buộc bị cáo Trịnh Ngọc L có trách nhiệm bồi thường cho ông Ông Kim T2 số tiền 45.060.000 (*bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Ông Kim T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trịnh Ngọc L chậm bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Buộc bà Đặng Thị Ngọc L1 có nghĩa vụ nộp lại số tiền 13.200.000 (*mười ba triệu hai trăm nghìn*) đồng; ông Lý A1 T có nghĩa vụ nộp lại số tiền 11.000.000 (*mười một triệu*) đồng; ông Lý Bình A có nghĩa vụ nộp lại số tiền 12.000.000 (*mười hai triệu*) đồng để đảm bảo thi hành án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ông Kim T2.

4. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 22.264.000 (*hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 5 – Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương